BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
CỤC QUẢN LÝ ĐẤU THẦU

ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

(Luật số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 và

Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021)

Trình bày: Bà Nguyễn Thị Linh Giang – Chánh Văn phòng PPP

NỘI DUNG

1. Tổng quan về đầu tư PPP
2. Chuẩn bị dự án PPP
3. Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP
4. Thành lập DNDA, hợp đồng dự án PPP và triển khai thực hiện hợp đồng
5. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

1. Tổng quan về đầu tư PPP

1. Khái niệm về dự án PPP

Khoản 9 Điều 3 Luật PPP

Dự án PPP là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc đầu tư để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thông qua việc thực hiện một hoặc các hoạt động sau:

- Xây dựng, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;
- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có;
- Vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có.

2. Khung pháp lý về PPP

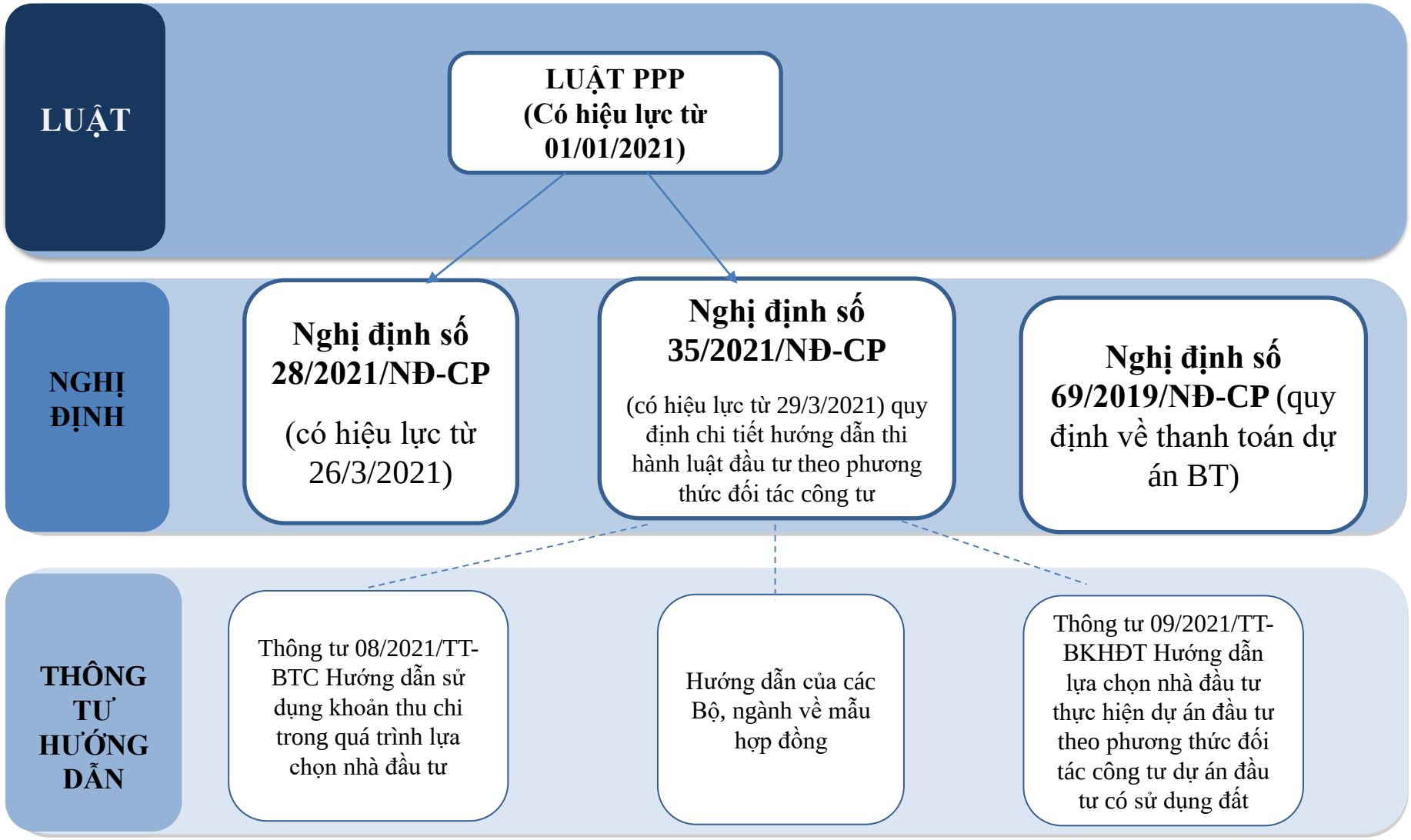

2. Chuẩn bị dự án PPP

1. Lĩnh vực đầu tư PPP (Khoản 1 Điều 4 Luật PPP)

2. Quy mô đầu tư PPP (Khoản 2 Điều 4 Luật PPP)

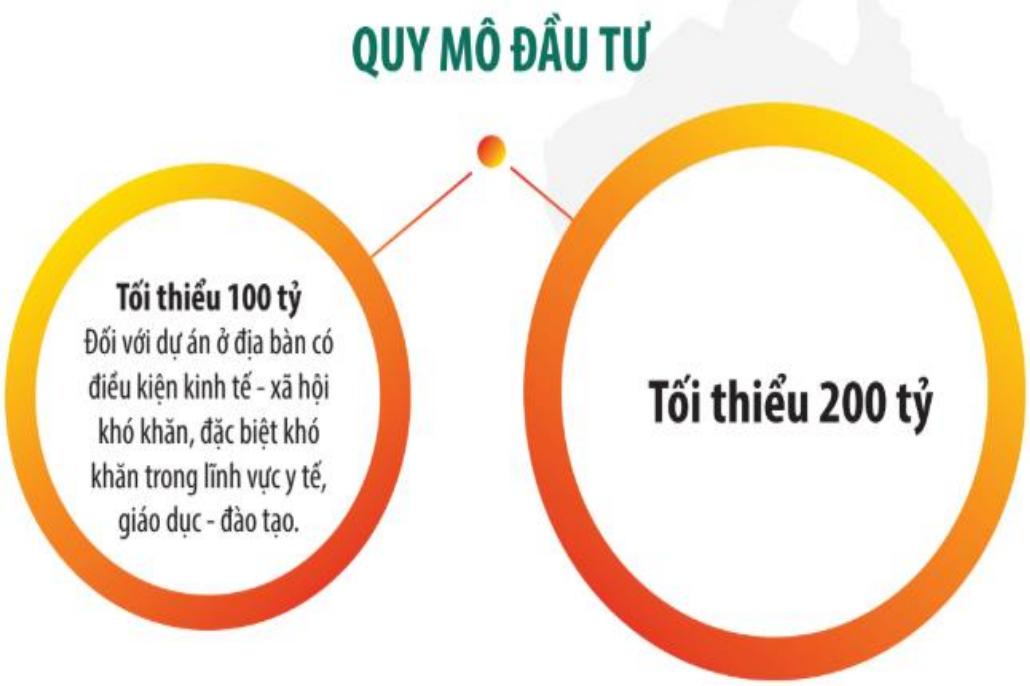

2. Lĩnh vực và quy mô đầu tư PPP (Điều 2 Nghị định 35/CP)

Giao thông

TMĐT tối thiểu 1500 tỷ

- Đường bộ
- Đường sắt
- Đường thủy nội địa
- Hàng hải
- Hàng không

Năng lượng

TMĐT tối thiểu 1500 tỷ

Trừ NLTT từ 500 tỷ

- năng lượng tái tạo
- nhiệt điện than
- nhiệt điện khí (bao gồm cả khí tự nhiên hóa lỏng – LNG)
- điện hạt nhân
- lưới điện
- trừ các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực

Hạ tầng xã hội

TMĐT tối thiểu 100 tỷ

- Y tế (cơ sở khám chữa bệnh; y tế dự phòng; kiểm nghiệm)
- Giáo dục đào tạo (cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp)

2. Lĩnh vực và quy mô đầu tư PPP (Điều 2 Nghị định 35/CP)

Hạ tầng cấp nước

TMĐT tối thiểu 200 tỷ

- lĩnh vực thủy lợi;
- cung cấp nước sạch, thoát nước
- xử lý nước thải; xử lý chất thải

Hạ tầng CNTT

TMĐT tối thiểu 200 tỷ

- hạ tầng thông tin số, kinh tế số;
- hiện đại hóa công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước;
- ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, trung tâm dữ liệu;
- các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung;
- an toàn, an ninh mạng;
- hệ thống ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp;
- hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) cho đô thị thông minh

3. Phân loại dự án và thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư (khoản 3 Điều 4 Luật PPP)

Dự án PPP được phân loại theo thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

4. Cơ quan có thẩm quyền và cơ quan ký kết hợp đồng (Điều 5 Luật PPP)

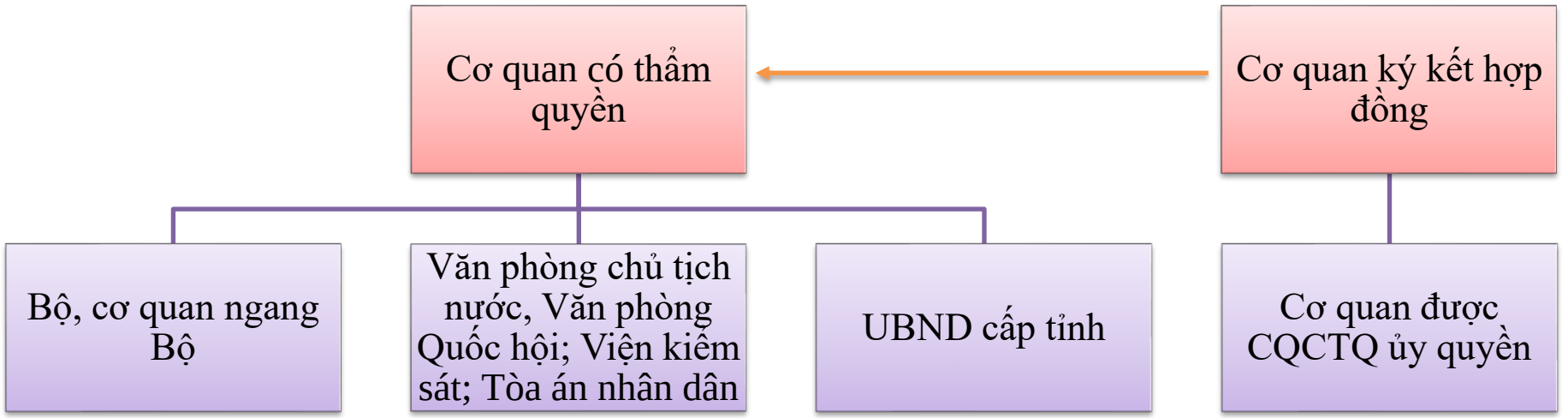

5. Hội đồng thẩm định dự án PPP (Điều 6 Luật PPP)

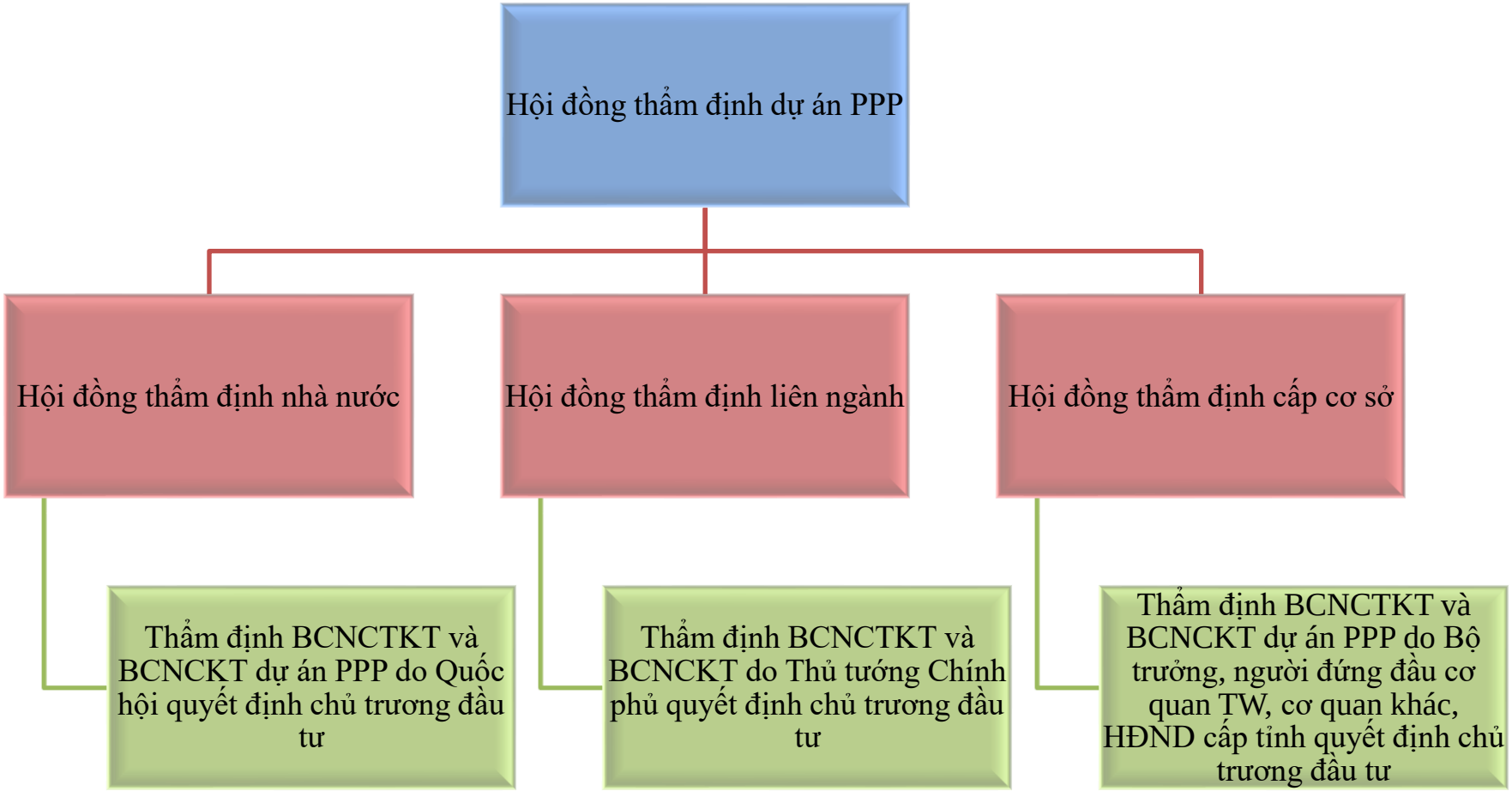

Phụ lục I NĐ 35/CP: Kế hoạch thẩm định

1. Quy trình dự án PPP (Điều 11)

Quy trình thông thường

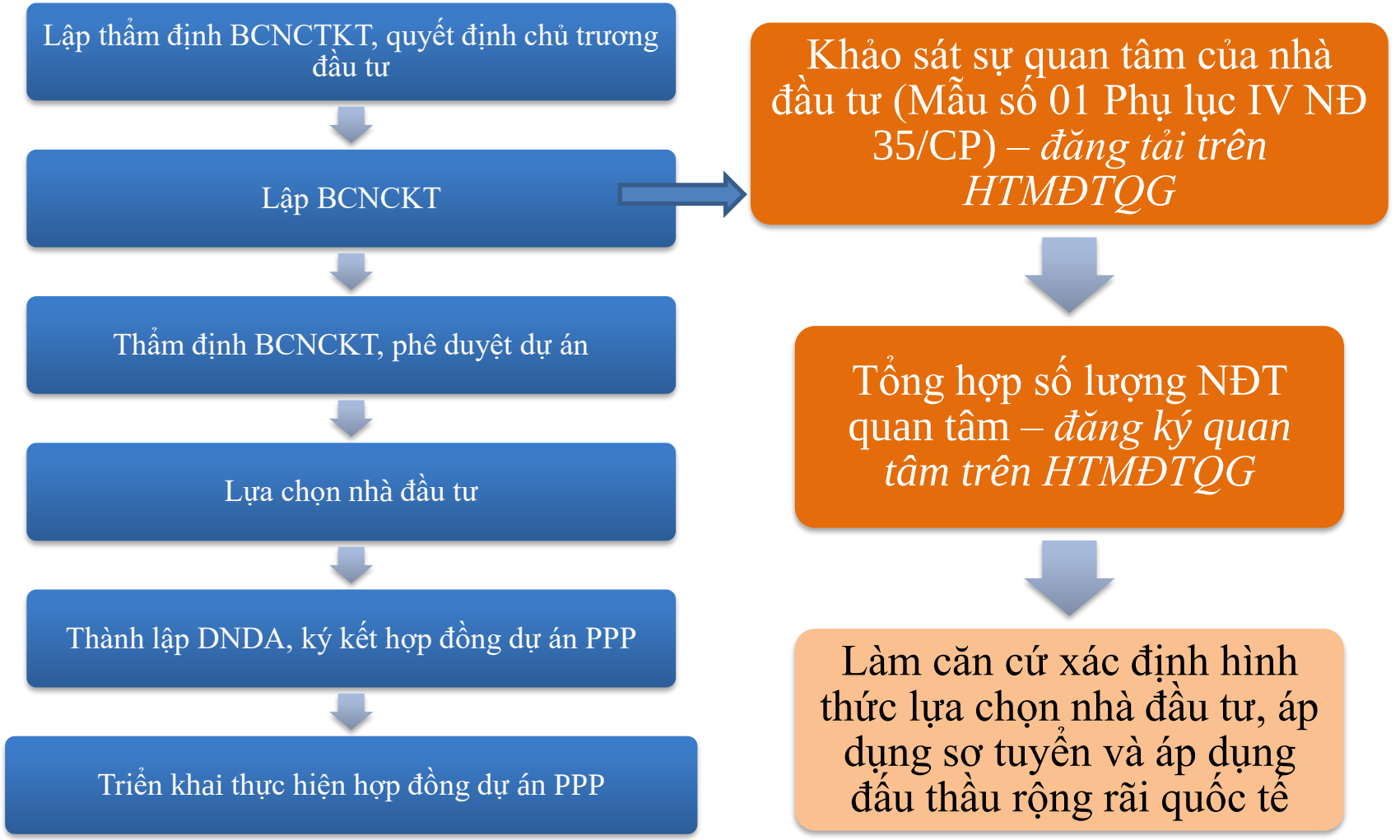

2. Quy trình dự án PPP (Điều 11)

Quy trình đối với dự án xuất hiện yếu tố đặc biệt

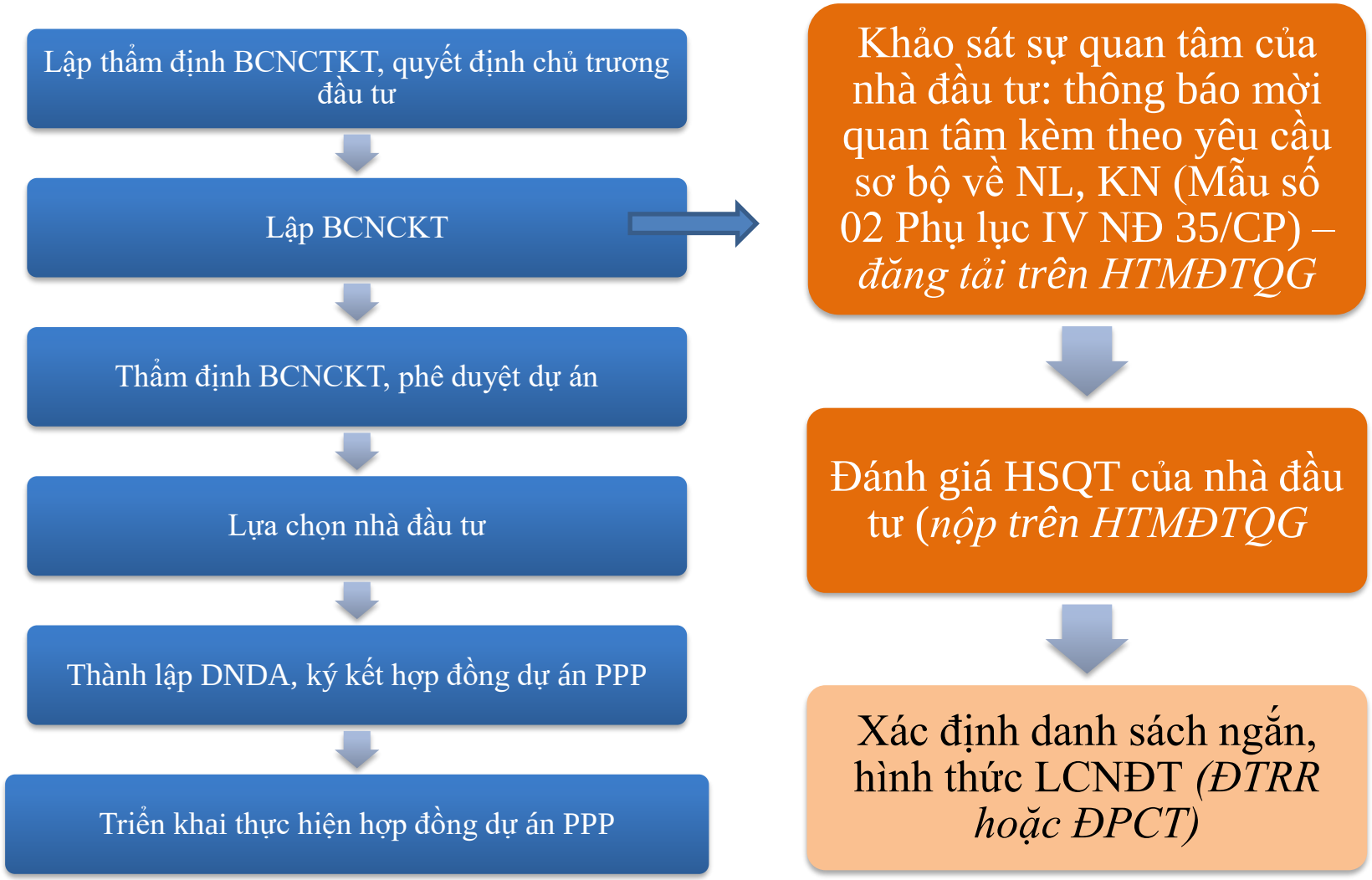

2. Quy trình dự án PPP (Điều 11)

Quy trình dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới

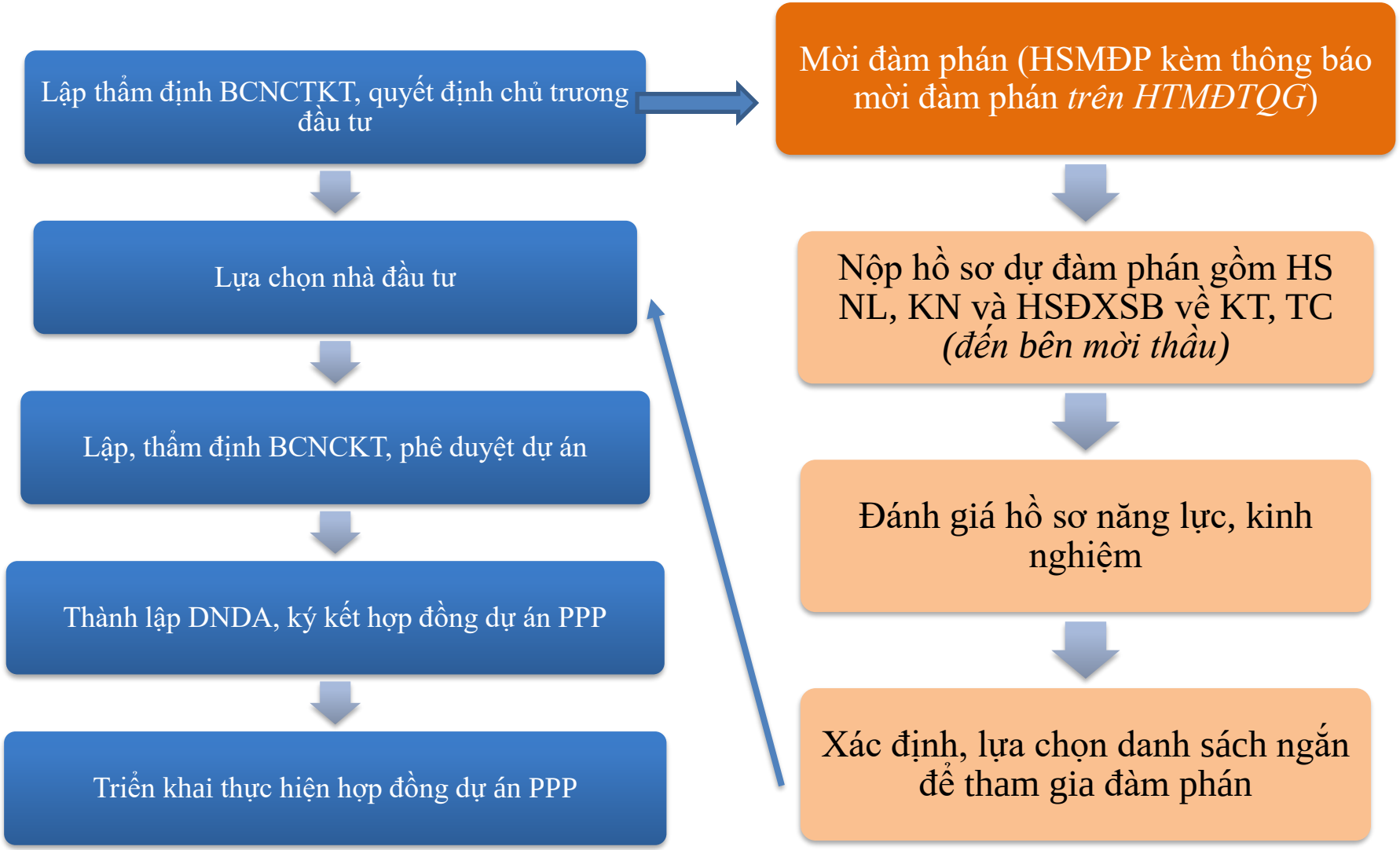

3. Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP

2. Xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư (Điều 34 NĐ 35/CP)

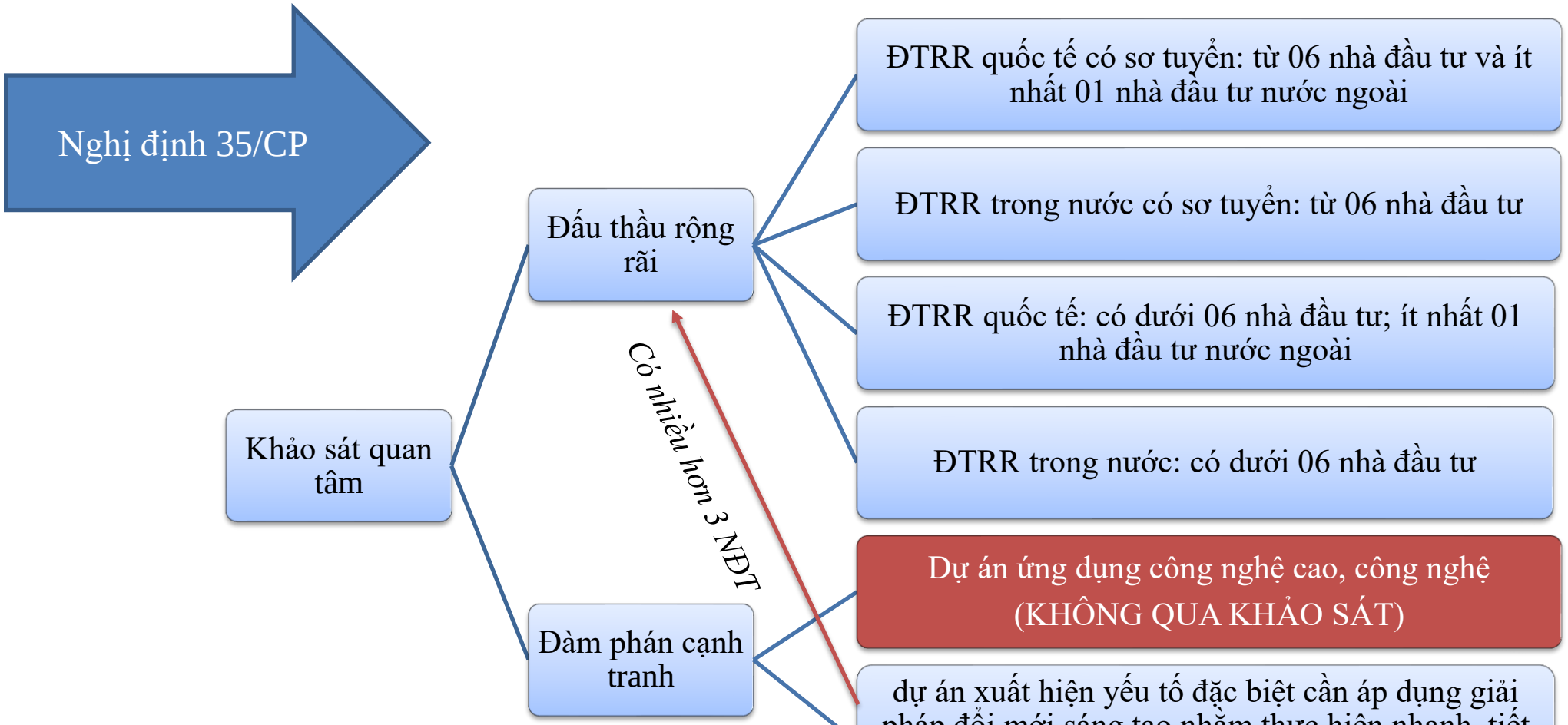

Việc khảo sát quan tâm thực hiện trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi
-> **muasamcong.mpi.gov.vn**

Phụ lục IV NĐ 35/CP

3. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (Mục 2, Chương III)

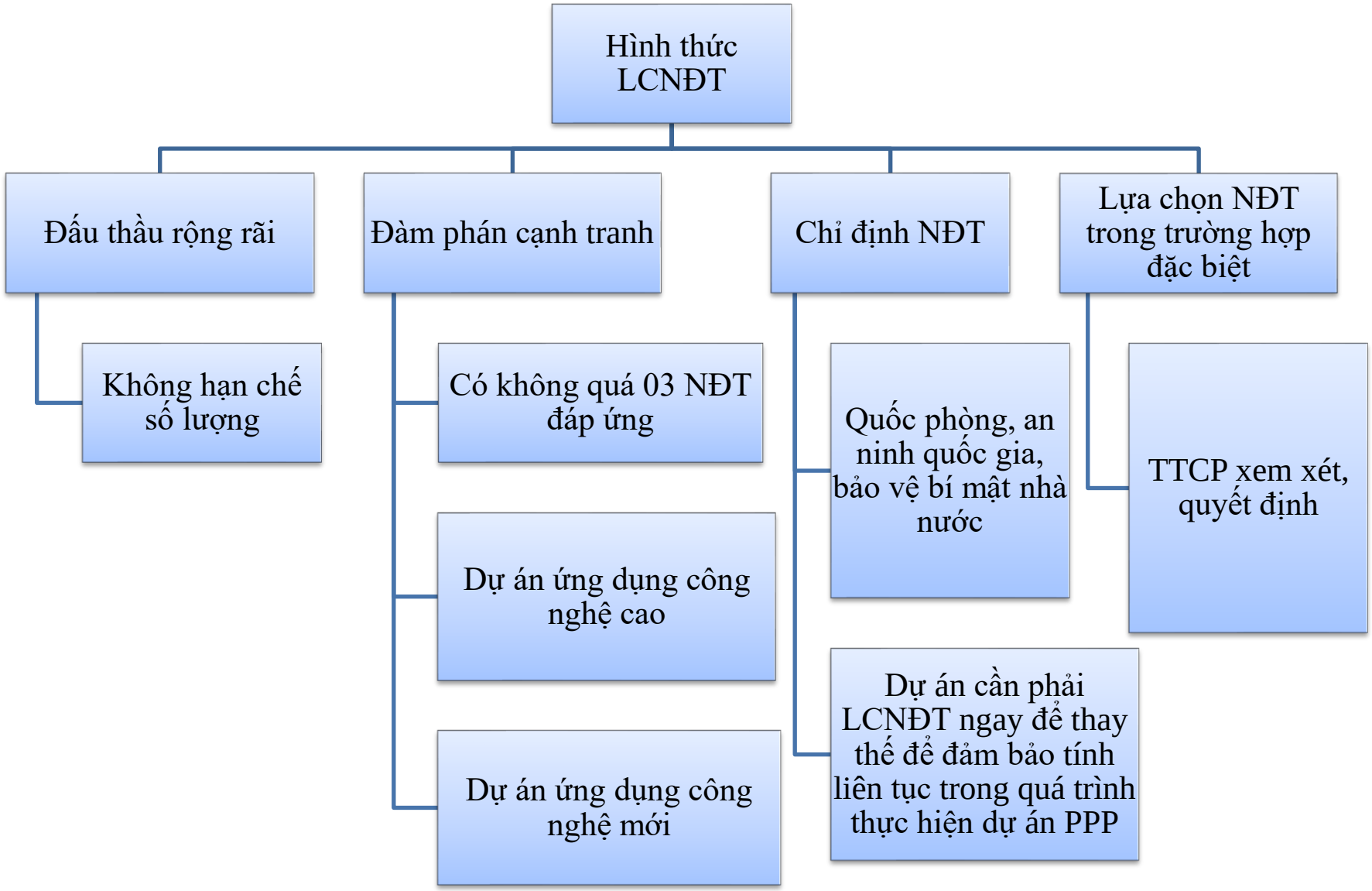

4. Thành lập DNDA Hợp đồng dự án PPP

1. Doanh nghiệp dự án PPP (Điều 44 Luật PPP)

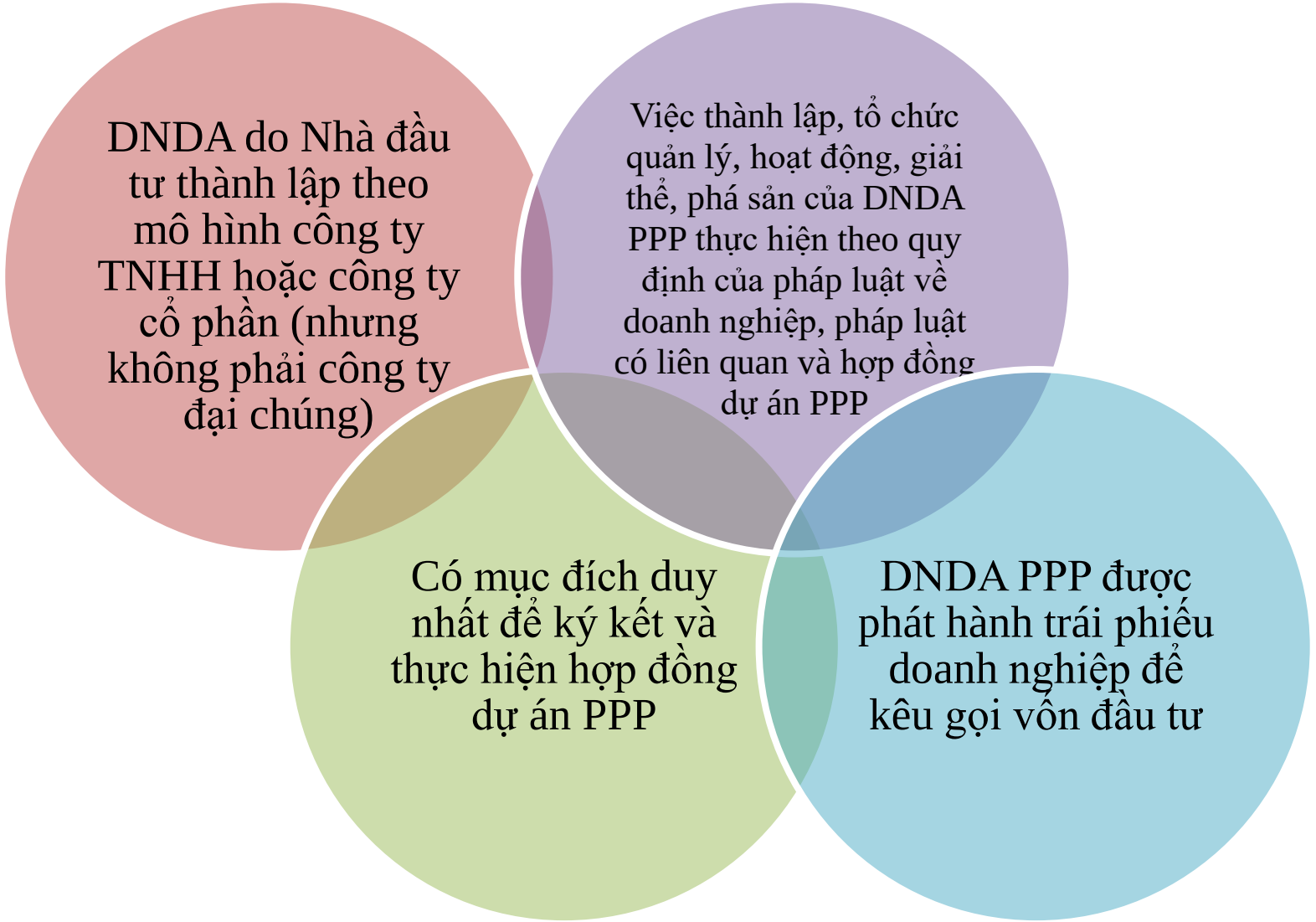

2. Các loại hợp đồng dự án PPP (Điều 45)

(Luật PPP – Điều 45)

BOT **BTO**

BOO **O&M**

BTL **BLT**

Hợp đồng hỗn hợp: ✔

Dừng triển khai Dự án BT mới

Dự án áp dụng loại hợp đồng BT chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư thì dừng thực hiện kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

3. Các loại hợp đồng dự án PPP

Nhóm hợp đồng thu phí trực tiếp từ người sử dụng hoặc tổ chức bao tiêu

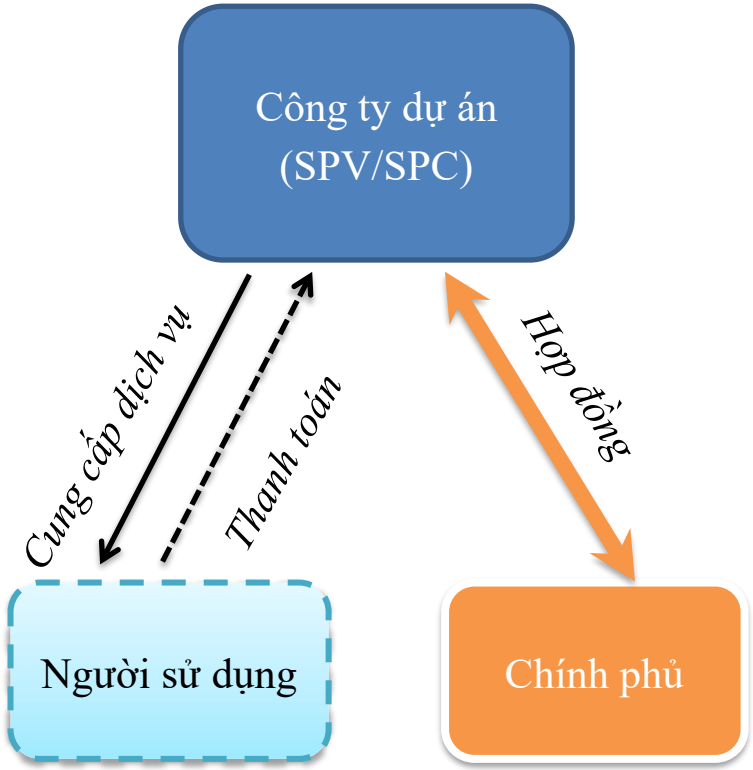

Nhóm hợp đồng Nhà nước thanh toán trên cơ sở chất lượng sản phẩm, dịch vụ

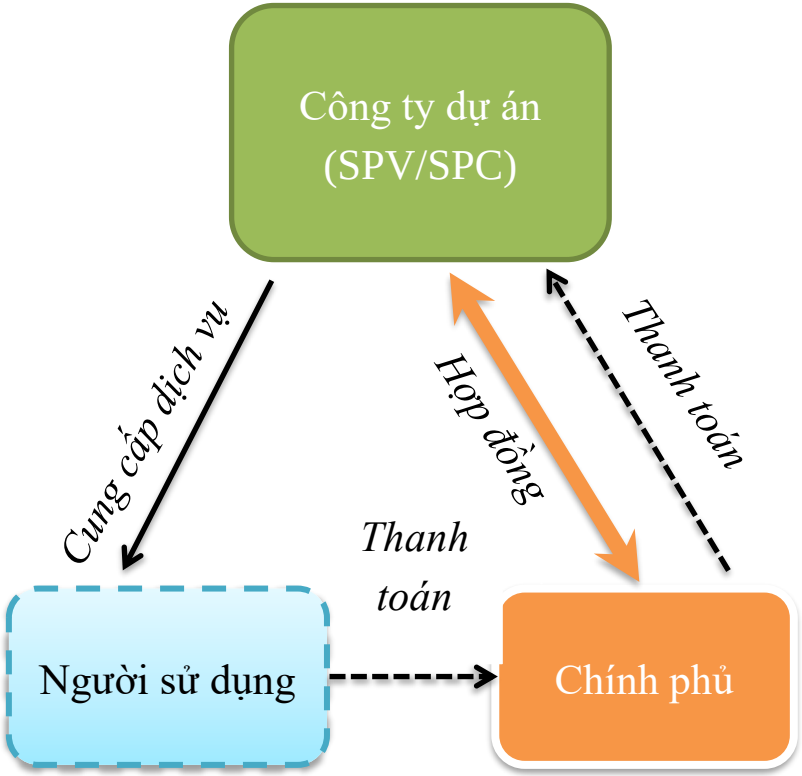

4. Nội dung cơ bản hợp đồng dự án PPP

Luật PPP (Điều 47)

Phụ lục VI Nghị định 35/CP ban hành hợp đồng mẫu dự án PPP

Các Bộ, ngành ban hành hướng dẫn về hợp đồng trong lĩnh vực của mình phụ trách

Không áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng: Đối với dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng sẵn có.

1. Xây dựng công trình, HTCSHT

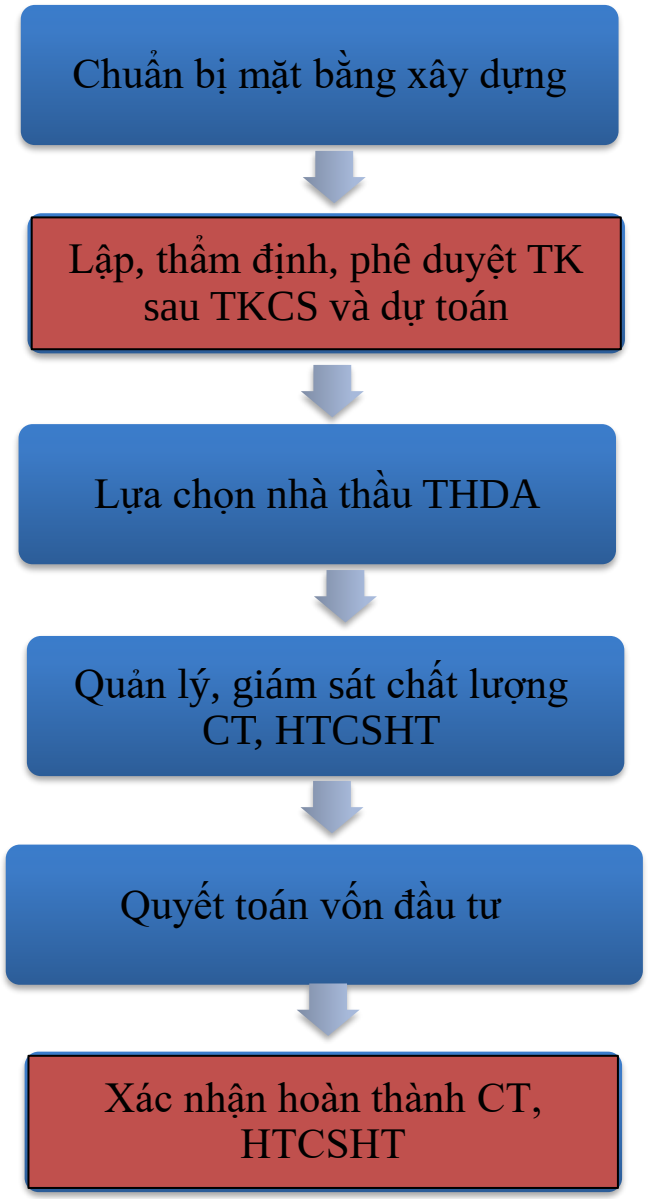

UBND cấp tỉnh hoàn thành bồi thường, HT, TĐC, hoàn thành thủ tục giao đất

DNDA phê duyệt thiết kế, dự toán

DNDA ban hành quy định LCNT

DNDA chịu trách nhiệm QL, GS

CQCTQ: kiểm tra DN; kiểm định chất lượng; đề nghị điều chỉnh hoặc đình chỉ thi công

- Tách thành tiểu DA: như dự án ĐTC
- Bố trí hạng mục: vốn ĐTC không vượt mức VNN trong HĐ

- DNDA: tổ chức nghiệm thu theo PLXD
- CQKKHĐ: xác nhận hoàn thành

2. Quản lý, vận hành, kinh doanh CT, HTCSHT

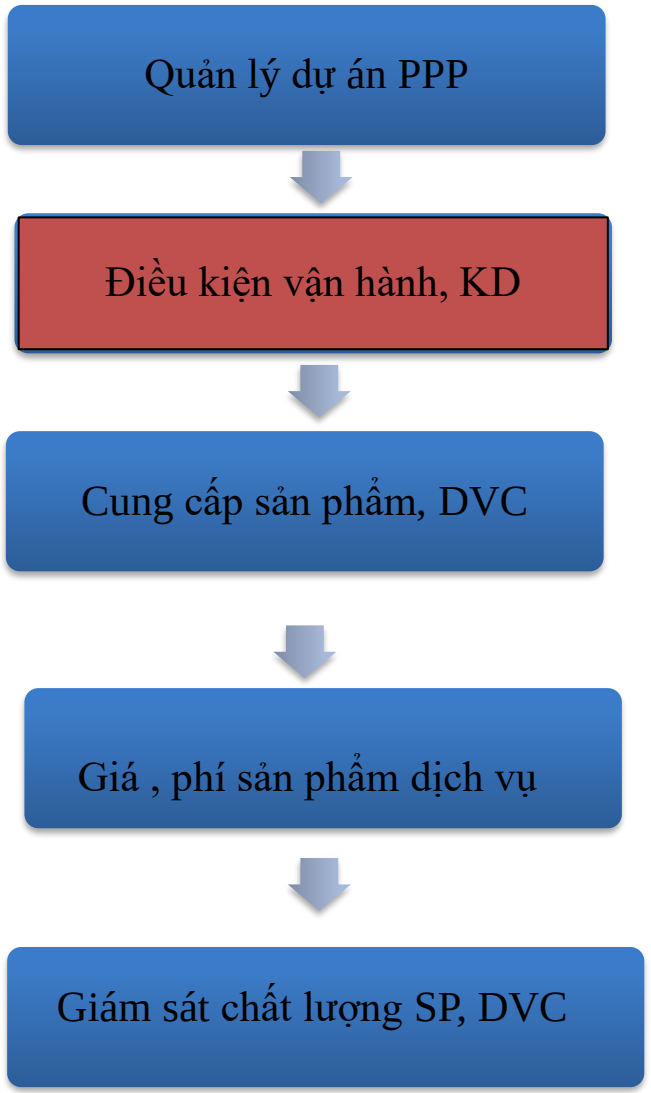

UBND cấp tỉnh hoàn thành bồi thường, HT, TĐC, hoàn thành thủ tục giao đất

- Kể từ ngày được xác nhận hoàn thành
- O&M: Kể từ ngày HĐ có hiệu lực

- Đối xử bình đẳng với các đối tượng
- Tiếp nhận, xử lý kịp thời ý kiến ĐTSD

- PA: xác định giá khởi điểm và mức giá cho từng thời kỳ
- Tính đúng, tính đủ, công khai minh bạch các yếu tố hình thàn giá

- DNDA: chịu trách nhiệm bảo đảm CL
- CQKKHĐ: tổ chức giám sát CL do DN cung cấp (thuê tư vấn)

3. Chuyển giao CT, HTCSHT; thanh lý HĐ

Chuyển giao

Xác định chất lượng theo HĐ

Giá trị còn lại: tổng hợp vào TSNN, NSNN

Trình tự, thủ tục chuyển giao theo PL QL, SD tài sản công

Thanh lý hợp đồng

- Xác nhận việc hoàn thảnh, chấm dứt HĐ
- Chấm dứt trước thời hạn: xác nhận nghĩa vụ đã HT và trách nhiệm các bên phần chưa hoàn thành

5. Ưu đãi, bảo đảm đầu tư

1. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư

Ưu đãi đầu tư

- Ưu đãi về thuế
- Ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất
- Các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế, đất đai, đầu tư và các pháp luật khác có liên quan

Bảo đảm đầu tư

- Bảo đảm về quyền tiếp cận đất, quyền sử dụng đất và tài sản công khác
- Bảo đảm cung cấp các dịch vụ công
- Bảo đảm về quyền thế chấp tài sản, quyền kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

2. Bảo đảm cân đối ngoại tệ (Điều 81)

Các giao dịch được cho phép

- Mua ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu giao dịch vãng lai, giao dịch vốn và các giao dịch khác hoặc chuyển vốn, lợi nhuận, các khoản thanh lý đầu tư ra nước ngoài.

Điều kiện được bảo đảm cân đối ngoại tệ

- Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ
- Trên cơ sở chính sách quản lý ngoại hối, khả năng cân đối ngoại tệ trong từng thời kỳ

Quy trình

- Đề xuất của Bộ, ngành, địa phương
- Rà soát/Điều phối bởi NHNN
- Thủ tướng Chính phủ chấp thuận

• ***Mức bảo đảm không quá 30% doanh thu của dự án PPP bằng tiền Việt Nam đồng sau khi trừ số chi tiêu bằng VNĐ***

3. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (Điều 82 Luật PPP)

Chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (Điều 82)

(i) Chính phủ cam kết chia sẻ với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án không quá 50% phần hụt thu giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết tại hợp đồng;

(ii) Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án cam kết chia sẻ với Chính phủ không thấp hơn 50% phần tăng thu giữa doanh thu thực tế và doanh thu cam kết tại hợp đồng.

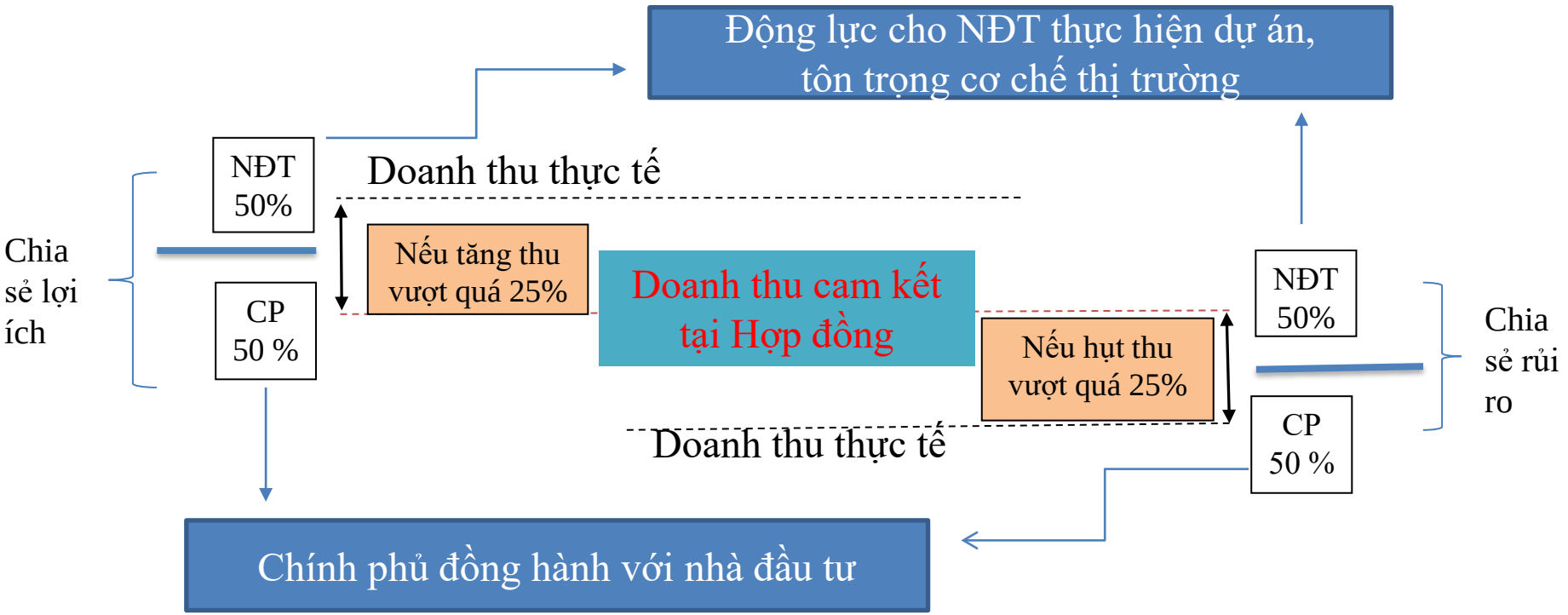

3. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu (Điều 82 Luật PPP)

Điều kiện áp dụng chia sẻ phần giảm doanh thu

- Dự án áp dung loại hợp đồng BOT, BTO, BOO
- Thay đổi về quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan làm giảm doanh thu
- Đã thực hiện đầy đủ các biện pháp về điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, điều chỉnh thời hạn hợp đồng nhưng vẫn không đảm bảo mức DT tối thiểu
- Đã được kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán phần giảm doanh thu

Xác định tại quyết định chủ trương đầu tư

Hàng năm

Cơ quan tài chính có thẩm quyền

Nguồn: Dự phòng ngân sách TW/địa phương

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ

Văn phòng PPP (Cục QLĐT, Bộ KH&ĐT)

Tel: 080 44681
Fax: 080 44323
Email: PPPoffice@mpi.gov.vn
Website: www.mpi.gov.vn